

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2021/HS-PT

Ngày: 02-04-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng

Các Thẩm phán: Ông Lê Hồng Nước

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Nhứt Minh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Trung Đến - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29/3 và ngày 02/4/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 286/2020/TLPT-HS ngày 09 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo Bùi Đức M. Do có kháng cáo của bị cáo Bùi Đức M đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 13/2020/HS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T.

- Bị cáo có kháng cáo: Bùi Đức M, sinh năm 1969, tại tỉnh An Giang; Nơi đăng ký thường trú: Số 236, Đường 28, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện nay: Khóm X, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Công chức; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Đức T, sinh năm 1937 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1948 (đã chết); Có vợ là Trần Thị Kim X, sinh năm 1971 và có 02 con (lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2001); Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Bị bắt, tạm giam từ ngày 15-01-2019 đến ngày 13-8-2019 được cho tại ngoại. Đến ngày 13/3/2021 bị bắt tạm giam cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp và có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo:

1. Ông Đặng Hồng Đức, Luật sư Văn phòng luật sư Đặng Hồng Đức thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Mai, Luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn Thị Mai thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt ngày 02/4/2021).

3. Ông Trần Hùng Dũng, Luật sư Công ty Luật TNHH một thành viên Nhân Ái thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cần Thơ (vắng mặt ngày 02/4/2021).

- Bị hại: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp;

Địa chỉ: Số 12, Đường 30 Tháng 4, Phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thiện N, chức vụ: Chủ tịch.
Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Thiện N: Ông Nguyễn Văn C, chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt ngày 02/4/2021).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp;
Địa chỉ: Khóm X, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Mai Văn S, chức vụ: Chủ tịch.
Người đại diện theo ủy quyền của ông Mai Văn S: ông Lê Văn L - Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện T (vắng mặt ngày 02/4/2021).
2. Thái Ngọc B, sinh năm 1969 (có mặt);
Nơi cư trú: Khóm X, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.
3. Nguyễn Trọng N1, sinh năm 1986 (vắng mặt ngày 02/4/2021);
Nơi cư trú: Ấp Cà V, xã Thông B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.
4. Trần Chí H, sinh năm 1984 (vắng mặt);
Nơi cư trú: Ấp Tân B, xã Tân P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.
5. Trần Thị Kim X, sinh năm 1971 (có mặt);
Nơi cư trú: Khóm X, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng:*

1. Bùi Thanh S1, sinh năm 1978 (vắng mặt ngày 02/4/2021);
Nơi cư trú: Khóm X, Phường X, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.
2. Nguyễn Phước H1, sinh năm 1976 (vắng mặt ngày 02/4/2021);
Nơi cư trú: Số 307, Đường Nguyễn Trãi, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.
3. Ưng Lê Anh Đ, sinh năm 1985 (vắng mặt ngày 02/4/2021);
Nơi cư trú: Số 201/34, Đường Thiên Hộ Dương, phường H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.
4. Huỳnh Văn B1, sinh năm 1970 (vắng mặt ngày 02/4/2021);
Nơi cư trú: Số 20/22, Đường Mạc Đĩnh Chi, khóm M, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.
5. Nguyễn Văn C, sinh năm 1967 (vắng mặt);
Nơi cư trú: Khóm M, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.
6. Lê Văn L, sinh năm 1970 (vắng mặt ngày 02/4/2021);
Nơi cư trú: Ấp G, xã Bình P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.
7. Lê Văn T, sinh năm 1979 (vắng mặt ngày 02/4/2021);
Nơi cư trú: Khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.
8. Phạm Văn N2, sinh năm 1968 (vắng mặt);
Nơi cư trú: Ấp R, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.
9. Lê Hoài H2, sinh năm 1982 (vắng mặt);
Nơi cư trú: Khóm X, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.
10. Lê Thanh H3, sinh năm 1985 (vắng mặt);
Nơi cư trú: Ấp X, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.
11. Trần Khiêm S2, sinh năm 1969 (vắng mặt);
Nơi cư trú: Khóm X, Phường X, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.
12. Nguyễn Thị Phương T1, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Khóm X, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.
13. Đặng Thanh H4, sinh năm 1967 (vắng mặt);
Nơi cư trú: Khóm X, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Người giám định: Lê G (có mặt).

Đơn vị công tác: Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp.

Trong vụ án còn có người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 30-8-2018 sau khi kết thúc thanh tra, Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T có Công văn số: 86/UBND.HC đề nghị chuyển hồ sơ có dấu hiệu tội phạm sang Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T để điều tra làm rõ 03 nội dung gồm:

1. Vụ việc tạm ứng ngân sách 1.361.019.000 đồng để hoàn trả vốn Dự án Tuyến dân cư bờ Đông kênh Phước X nhưng chưa hoàn trả, dùng để chi lương và hoạt động số tiền 561.019.000 đồng, số tiền còn lại 800.000.000 đồng giữ tiền mặt.

2. Vụ việc chậm hoàn trả vốn 600.000.000 đồng của Tuyến dân cư bờ Đông kênh Tân C - xã B và Dự án Tuyến dân cư bờ Đông kênh Phước X - xã Tân P.

3. Vụ việc chậm hoàn trả vốn 1.500.000.000 đồng của Dự án bồi thường thiệt hại giải phóng mặt bằng khu tái định cư đường N2 cửa khẩu Dinh B và Dự án bồi thường thiệt hại giải phóng mặt bằng chợ Nội địa Dinh B (năm 2009).

Kết quả điều tra đã chứng minh được Bùi Đức M là Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất (TTPTQĐ) huyện T đã thực hiện hành vi phạm tội như sau:

Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện T được thành lập theo Quyết định số 32/QĐ-UBND-TL ngày 28-4-2010 của UBND tỉnh Đồng Tháp, hoạt động theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25-4-2006 của Chính phủ, là đơn vị sự nghiệp có thu trực thuộc UBND huyện T, có tư cách pháp nhân, có trụ sở và con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các tổ chức tín dụng để hoạt động theo quy định của pháp luật, do Bùi Đức M làm Giám đốc từ ngày 31-5-2010 đến ngày 07-12-2016.

Trung tâm Phát triển quỹ đất thực hiện nhiều chức năng, trong đó có chức năng tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, kinh phí hoạt động từ nguồn thu sự nghiệp và các nguồn thu hợp pháp khác. Theo quy định, đơn vị phải lập phương án tự chủ trình UBND Huyện phân loại đơn vị sự nghiệp nhưng từ khi thành lập đến năm 2015 Trung tâm Phát triển quỹ đất không xây dựng phương án tự chủ để trình phân loại đơn vị sự nghiệp mà tự bảo đảm nguồn tiền chi lương và hoạt động. Đến ngày 17-8-2016 Trung tâm Phát triển quỹ đất được sáp nhập thành Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất theo Quyết định số: 127/QĐ-UBND-TL của UBND tỉnh Đồng Tháp nhưng hoạt động chính thức kể từ ngày 01-01-2017 cho đến nay. Trong quá trình hoạt động Trung tâm Phát triển quỹ đất được UBND huyện T giao làm chủ đầu tư Dự án công trình Tuyến dân cư (giai đoạn 2) bờ Đông kênh Phước X, nguồn vốn được cấp 8.317.536.000 đồng từ ngân sách Tỉnh quản lý.

Trong quá trình thực hiện dự án, do 14 hộ dân đã nhận tiền bồi thường số tiền 1.361.019.300 đồng nhưng không giao mặt bằng gồm những hộ dân có tên dưới đây:

STT	Họ tên	Số tiền thu hồi (đồng)	Ghi chú
01	Nguyễn Hùng Đ	144.181.800	Cùng địa chỉ tại ấp Tuyết Hồng, xã Tân Phước, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.
02	Lê Văn T	76.400.000	
03	Trần Văn L	214.565.500	
04	Trương Thị L1	98.600.000	
05	Nguyễn Thị H	85.828.000	
06	Võ Văn A	123.000.000	
07	Trương Văn H1	97.500.000	
08	Tiêu Phe N	123.300.000	
09	Hồ Văn M	47.500.000	
10	Nguyễn Văn C	82.900.000	
11	Hà Văn T1	57.300.000	
12	Lê Văn Đ	65.444.000	
13	Trương Văn S	71.400.000	
14	Trương Văn S1	73.100.000	
Tổng cộng		1.361.019.300 đồng	

Sau đó UBND huyện T ban hành quyết định hủy các quyết định thu hồi đất đối với những hộ dân này. Ngày 21-4-2014, UBND tỉnh Đồng Tháp tổ chức cuộc họp kiểm điểm tình hình thực hiện chương trình cụm, tuyến dân cư trên địa bàn Tỉnh, trong đó có xem xét giải quyết công trình Tuyến dân cư bờ Đông kênh Phước X. Ngày 26-4-2014, Văn phòng UBND Tỉnh có Thông báo số 126/TB-VPUBND về việc thông báo ý kiến kết luận chỉ đạo của ông Nguyễn Thanh H5 - Phó Chủ tịch Tỉnh giao cho huyện T “Thu hồi dần trong 5 năm kể từ năm 2014” đối với công trình Tuyến dân cư (giai đoạn 2) bờ Đông kênh Phước X. Ngày 28-4-2014, UBND huyện T ban hành 14 quyết định thu hồi tiền bồi thường của 14 hộ dân đã nhận trước đó, nội dung các quyết định giao cho Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất (bị cáo M là Giám đốc) kết hợp với UBND xã Tân P thu hồi và nộp ngân sách nhà nước đúng quy định nhưng đến nay vẫn chưa thu hồi được.

Bùi Đức M là người biết rõ nội dung này nhưng để sớm quyết toán hoàn thành công trình nên ngày 05-01-2015 M làm đề nghị UBND huyện T cho tạm ứng số tiền 1.361.019.000 đồng hoàn trả cho ngân sách Tỉnh để được quyết toán hoàn thành Dự án công trình Tuyến dân cư bờ Đông kênh Phước X và được UBND Huyện đồng ý duyệt cho tạm ứng. Trung tâm Phát triển quỹ đất đã rút số tiền trên 02 lần, vào ngày 25-12-2015 rút số tiền 1.161.019.000 đồng và ngày 26-01-2016 rút số tiền 200.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền tạm ứng Bùi Đức M không nộp trả ngân sách Tỉnh mà tự ý chỉ đạo sử dụng chi lương và hoạt động của đơn vị 561.019.000 đồng, trong đó M được hưởng lương 83.921.480 đồng, số tiền còn lại 800.000.000 đồng M khai cất giữ tại đơn vị nhưng M không xin ý và báo cáo UBND Huyện biết. Đến ngày 01-01-2017, khi sáp nhập giữa đơn vị cũ và đơn vị mới M cũng không bàn giao số tiền này cho Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất.

Để che giấu hành vi trái pháp luật trong việc sử dụng nguồn tiền tạm ứng hoàn trả ngân sách Tỉnh, ngày 03-11-2016 sau khi Bùi Đức M tiến hành đối chiếu với Kho bạc Nhà nước Tỉnh được xác nhận thống nhất vốn đầu tư được cấp là 8.317.536.000 đồng, đã thanh toán 8.137.452.000 đồng, thu hồi tạm ứng 180.084.000 đồng (dân chưa nhận), M chỉ đạo cho Trần Chí H - nguyên kế toán làm hồ sơ không trung thực, không đúng với thực tế công trình gửi về Sở Tài chính Tỉnh phê duyệt, cụ thể trong hồ sơ M chỉ đạo không đưa nội dung phải thu hồi số tiền 1.361.019.300 đồng của 14 hộ dân vào trong hồ sơ, mặc dù số tiền này M đã không nộp hoàn trả cho ngân sách Tỉnh mà giữ lại sử dụng trái quy định, sai với nội dung tạm ứng tiền ngân sách của UBND Huyện. Do các cán bộ thẩm định của Sở Tài chính không biết được nội dung này nên tham mưu cho Lãnh đạo Sở Tài chính phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành 8.181.814.000 đồng, trong đó có cho quyết toán phần chi cho 14 hộ dân số tiền 1.361.019.300 đồng vào ngày 14-11-2016 theo Quyết định số 177/QĐ-STC của Sở Tài chính nhưng M không báo cáo UBND Huyện và cũng không nộp trả lại số tiền đã tạm ứng mà tiếp tục chiếm giữ sử dụng.

Tại bản Kết luận giám định tài chính số: 2662/KLGĐ-STC ngày 26-11-2019 của Sở Tài chính đã kết luận: Khi Sở Tài chính đã phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành (trong đó có cả phần chi bồi hoàn cho 14 hộ dân phải thu hồi nhưng chưa thu hồi được) về quản lý nhà nước số tiền 1.361.019.300 đồng chi bồi hoàn cho 14 hộ dân phải thu hồi đã được quyết toán, không còn theo dõi, quản lý trên hệ thống ngân sách nhà nước, đây là khoản thất thoát, thiệt hại của ngân sách Tỉnh.

- Đồ vật, tài liệu tạm giữ trong vụ án:
- + Cơ quan điều tra đang tạm giữ 400.000.000 đồng do bà Trần Thị Kim X (vợ bị cáo M) nộp khắc phục hậu quả.
- + Số tiền 50.000.000 đồng Cơ quan điều tra đang tạm giữ do ông Thái Ngọc B giao nộp.

Số tiền 450.000.000 đồng gửi vào tài khoản của Cơ quan điều tra mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam chi nhánh Đồng Tháp, sau đó chuyển vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T quản lý.

- + Một số tài liệu, chứng từ liên quan được thu thập trong hồ sơ vụ án.

Đối với việc giữ tiền mặt số tiền 2.900.000.000 đồng. Trong đó, số tiền 800.000.000 đồng từ 1.361.019.000 đồng tạm ứng của UBND Huyện hoàn trả vốn Kho

bạc Nhà nước Tỉnh đối với Dự án Tuyển dân cư bờ Đông kênh Phước X như đã nêu trên và số tiền 2.100.000.000 đồng gồm: 600.000.000 đồng từ các dự án Tuyển dân cư (giai đoạn 2) bờ Đông kênh Tân C, xã B và Tuyển dân cư bờ Đông kênh Phước X, xã Tân P (năm 2009); 1.500.000.000 đồng từ các dự án bồi thường thiệt hại giải phóng mặt bằng khu tái định cư đường N2 cửa khẩu Dinh B (năm 2009) và bồi thường thiệt hại giải phóng mặt bằng chợ nội địa Dinh B (năm 2009). Kết quả điều tra cho thấy việc M chỉ đạo giữ lại số tiền 2.100.000.000 đồng, tuy có hành vi vi phạm nhưng do chưa gây hậu quả nên không đủ căn cứ chứng minh hành vi phạm tội, cơ quan điều tra đã có văn bản kiến nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xem xét trách nhiệm có liên quan.

Đối với số tiền 27.751.000 đồng hiện chưa nộp liên quan đến 02 dự án Tuyển dân cư bờ Đông kênh Tân C và Tuyển dân cư bờ Đông kênh Phước X: Qua làm việc với Bùi Đức M, Thái Ngọc B và Trần Chí H đều xác định số tiền này được quản lý trong tài khoản tiền gửi của đơn vị tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Đồng Tháp - Phòng giao dịch T, kết quả kiểm tra tài khoản tiền gửi của Trung tâm phát triển quỹ đất còn số dư trên 39.000.000 đồng, do vậy không có căn cứ xác định có sự việc phạm tội xảy ra.

Quá trình điều tra Bùi Đức M không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bởi những lý do việc chi lương và hoạt động của đơn vị không làm thiệt hại mà chỉ nợ ngân sách Huyện, Sở Tài chính có tham dự họp giải quyết thu hồi tiền của 14 hộ dân do UBND Tỉnh chủ trì nên khi làm quyết toán vốn đầu tư hoàn thành không đưa nội dung này vào hồ sơ mà để Sở Tài chính tự xem xét, điều chỉnh khi phê duyệt. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ, lời khai người làm chứng, người liên quan, kết luận giám định đã có đủ cơ sở chứng minh bị cáo Bùi Đức M đã thực hiện hành vi phạm tội vì bị cáo đã ứng 1.361.019.000 đồng từ ngân sách Huyện để hoàn trả cho ngân sách Tỉnh (sau đó Huyện sẽ thu hồi lại từ 14 hộ dân còn nợ) nhưng M không nộp hoàn trả cho ngân sách Tỉnh, khi lập hồ sơ quyết toán lại không đưa nội dung phải thu hồi số tiền 1.361.019.300 đồng trong 14 hộ dân dẫn tới gây thiệt hại cho ngân sách Tỉnh.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 13/2020/HS-ST ngày 21/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 356, các điểm b, v khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Bùi Đức M phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

Xử phạt bị cáo Bùi Đức M 06 (Sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ đi những ngày tạm giam từ ngày 15-01-2019 đến ngày 13-8-2019.

Căn cứ vào Điều 41, khoản 4 Điều 356 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Cấm đảm nhiệm chức vụ đối với bị cáo Bùi Đức M thời gian 04 (Bốn) năm, kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, các điều 584, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Bùi Đức M bồi thường cho Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp số tiền 161.019.300 đồng (Một trăm sáu mươi một triệu không trăm mười chín nghìn ba trăm đồng) để nộp vào ngân sách của Tỉnh theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên thi hành án mà bị cáo chưa thi hành án xong thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 03 tháng 9 năm 2020, bị cáo Bùi Đức M có đơn kháng cáo với các nội dung:

+ Số tiền bị cáo tạm ứng và thanh toán vẫn còn đang quản lý trong 14 hộ dân không có thiệt hại xảy ra, bị cáo chỉ sai sót về trình tự thủ tục quyết toán chưa đúng trình tự theo quy định.

+ Bị cáo không có vụ lợi trong số tiền tạm ứng vì số tiền bị cáo được hưởng là tiền lương của bị cáo.

+ Bị cáo khai nại tại phiên tòa sơ thẩm vì phạm nghiêm trọng tố tụng.

+ Bị cáo không phạm tội như tội danh mà án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm: Hành vi của bị cáo Bùi Đức M bị Tòa án cấp sơ thẩm quy kết về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn khi thi hành công vụ” theo khoản 3 Điều 356 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Xét mức hình phạt 06 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Tại phiên tòa bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xem lại tội danh của bị cáo nhưng không cung cấp chứng cứ gì mới làm thay đổi tội danh và nội dung vụ án. Mặt khác, qua xem xét toàn bộ các tài liệu chứng cứ trong vụ án thì hành vi của bị cáo đủ cấu thành tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn khi thi hành công vụ”. Tuy nhiên, sau khi kháng cáo bị cáo đã nộp toàn bộ số tiền theo án sơ thẩm đã tuyên, đây là tình tiết mới tại cấp phúc thẩm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, giảm hình phạt cho bị cáo từ 06 tháng đến 01 năm tù. Sửa phần quyết định của bản án về hình phạt.

Các luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng:

- Luật sư Nguyễn Thị Mai cho rằng cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo mức án 06 năm tù là quá cao so với hành vi của bị cáo bởi vì:

+ Thông báo số 126/TB-VPUBND ngày 26/4/2014 của Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp thì thời hạn thanh toán là 05 năm nhưng chưa hết hạn thanh toán theo tin thần công văn này đã khởi tố bị cáo.

+ Cấp sơ thẩm kết tội bị cáo số tiền làm thất thoát là 1.361.019.300 đồng nhưng không xem xét đến các văn bản điều chỉnh giảm trừ theo sau đó để giảm trừ thiệt hại cho bị cáo là chưa toàn diện.

+ Hiện tại theo các văn bản điều chỉnh thì số tiền thất thoát trong dự án đã giảm trừ số tiền còn dưới 1 tỷ đồng nhưng khởi tố bị cáo theo khoản 3 Điều 356 Bộ luật hình sự là chưa phù hợp.

+ Số tiền 561.019.000 đồng là tiền lương chi cho cơ quan chứ không phải số tiền bị cáo vụ lợi trong vụ án.

+ Việc chấp nhận ông Nguyễn Văn C - Phó giám đốc sở Tài chính làm đại diện Ủy ban nhân dân Tỉnh là vi phạm nghiêm trọng tổ tụng.

Đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm về đề điều tra lại. Trường hợp Hội đồng xét xử không chấp nhận hủy án thì xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Luật sư Đặng Hồng Đức phát biểu quan điểm bào chữa cho rằng:

+ Bản án sơ thẩm dựa vào kết quả Giám định tài chính là chưa phù hợp vì kết luận giám định căn cứ vào các câu hỏi của cơ quan điều tra. Trong khi đó các văn bản điều chỉnh dự án không đưa vào để xem xét giảm trừ là chưa toàn diện.

+ Toàn bộ dự án Bờ đông kênh Phước X chưa quyết toán vốn hoàn thành, có điều chỉnh nhưng do kết luận giám định tài chính nên không điều chỉnh lại. Phía bị cáo có yêu cầu giám định lại nhưng không được xem xét là chưa đảm bảo được quyền của bị cáo.

+ Cấp sơ thẩm cho rằng bị cáo gây thất thoát cho ngân sách tỉnh số tiền 1.361.019.300 đồng nhưng cần hiểu việc thất thoát là không thu hồi được, còn số tiền trên vẫn còn theo dõi trong 14 hộ dân và sau khi có kết luận giám định vẫn còn giải quyết khiếu nại chứng tỏ số tiền trên không hề thất thoát.

+ Các cơ quan Nhà nước các cấp có dấu hiệu kéo dài không quyết toán là có dấu hiệu cố ý làm trái.

+ Về cấu thành tội truy tố bị cáo là chưa phù hợp vì bị cáo không vụ lợi và hậu quả chưa xảy ra.

Đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm về điều tra lại.

- Luật sư Trần Hùng Dũng phát biểu quan điểm bào chữa cho bị cáo cho rằng:

+ Số tiền 561.019.000 đồng là chi lương cho toàn bộ cán bộ công chức của Trung tâm phát triển quỹ đất, bị cáo chịu trách nhiệm về số tiền này nhưng đến nay không đặt vấn đề thu hồi trả lại cho bị cáo.

+ Cấp sơ thẩm quy kết bị cáo làm thất thoát số tiền 1.361.019.300 đồng nhưng thực tế bị cáo chỉ sử dụng 561.019.000 đồng, còn 800.000.000 đồng vẫn còn lưu giữ tại cơ quan nhưng kết tội bị cáo với số tiền 1.361.019.300 đồng là chưa phù hợp.

+ Bị cáo ứng tiền của Ủy ban nhân dân huyện T nhưng cấp sơ thẩm xác định gây thiệt hại cho Ủy ban nhân dân tỉnh và xác định bị hại là Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp là chưa phù hợp.

+ Bản án sơ thẩm dựa vào kết quả Giám định tài chính là chưa phù hợp vì kết luận giám định căn cứ vào các câu hỏi của cơ quan điều tra. Trong khi đó các văn bản điều chỉnh dự án không đưa vào để xem xét là chưa toàn diện.

+ Vấn đề đối chất tại phiên tòa chưa rõ trong khi những người tham gia tố tụng tại phiên tòa không trả lời đầy đủ và né tránh các câu hỏi của luật sư đặt ra, trong vụ án có dấu hiệu bỏ lọt một số đồng phạm.

Đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm về điều tra lại.

Tại phiên tòa bị cáo cho rằng cấp sơ thẩm buộc tội bị cáo về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo khoản 3 Điều 356 Bộ luật hình sự là chưa phù hợp với các chứng cứ trong vụ án bởi lẽ:

+ Số tiền cấp sơ thẩm kết tội bị cáo là tiền bị cáo đem về chi lương một phần, còn lại giữ tại cơ quan chứ bị cáo không có vụ lợi.

+ Số tiền này trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm đã được điều chỉnh giảm trong dự án nhưng không khấu trừ cho bị cáo. Hiện số tiền của 14 hộ dân phải thu hồi chưa đến 01 tỷ đồng.

+ Việc giám định viên Lê G là người của Sở tài chính mà thực hiện việc giám định là chưa khách quan.

+ Các cơ quan Nhà nước tại huyện T có dấu hiệu kéo dài không quyết toán dẫn đến việc bị cáo không quyết toán được chứ bị cáo không cố tình không quyết toán để chiếm dụng số tiền đã tạm ứng.

Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là sai và xin giảm nhẹ hình phạt. Đồng thời xin Hội đồng xét xử xem xét lại tội danh cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Đức M thừa nhận hành vi làm hồ sơ quyết toán số tiền 1.361.019.300 đồng đã chi bồi hoàn cho 14 hộ dân phải thu hồi, không đưa vào giảm trừ để quyết toán hoàn thành là sai về mặt hành chính, không vi phạm hình sự như nội dung Cáo trạng truy tố. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra phù hợp với kết luận giám định tài chính, lời khai của những người tham gia tố tụng khác, những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, qua tranh tụng đã đủ cơ sở kết luận: Sau khi nhận được số tiền tạm ứng 1.361.019.000 đồng từ ngân sách huyện T, lẽ ra bị cáo Bùi Đức M phải hoàn trả Kho bạc Nhà nước Tỉnh để quyết toán hoàn thành Dự án công trình Tuyến dân cư (giai đoạn 2) bờ Đông kênh Phước X đúng như mục đích, lý do tạm ứng nhưng vì động cơ vụ lợi bị cáo M đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình chỉ đạo cấp dưới làm trái công vụ, sử dụng số tiền này để chi lương và hoạt động của đơn vị 561.019.000 đồng, trong đó bị cáo M được hưởng lương 83.921.480 đồng, số tiền còn lại theo bị cáo M khai là còn cất giữ tại đơn vị nhưng khi sáp nhập với đơn vị mới bị cáo M cũng không bàn giao số tiền này cho Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất Huyện (nếu không qua thanh tra thì sẽ không phát hiện được); Để che giấu hành vi sai phạm của mình, bị cáo M tiếp tục chỉ đạo cán bộ cấp dưới là Trần Chí H và Nguyễn Trọng N1 lập, ký hồ sơ quyết toán không trung thực, mặc dù chưa hoàn trả 1.361.019.300 đồng nhưng bị cáo M không đưa nội dung phải thu hồi số tiền 1.361.019.300 đồng của 14 hộ dân để Sở Tài chính phê duyệt quyết toán, bị cáo M sử dụng thủ đoạn gian dối để số tiền này được quyết toán xong, gây thiệt hại ngân sách Tỉnh số tiền 1.361.019.300 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo hoàn thành kể từ thời điểm bị cáo được duyệt quyết toán xong số tiền 1.361.019.300 đồng tại Sở tài chính tỉnh Đồng Tháp. Còn việc sau khi phát hiện các sai phạm của bị cáo những người có liên quan nộp lại tiền chỉ nhằm khắc phục hậu quả cho hành vi phạm tội của bị cáo. Đồng thời việc các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra các văn bản điều chỉnh dự án cũng không liên quan đến hành vi quyết toán không của bị cáo gây thất thoát cho ngân sách trước đó.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản nhà nước và gây thất thoát cho Ngân sách tỉnh số tiền 1.361.019.300 đồng. Hành vi đó đã gây xôn xao dư luận, gây hoang mang trong dư luận quần chúng nhân

dân, làm ảnh hưởng đến uy tín cơ quan nhà nước tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Khi thực hiện hành vi vi phạm, bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi, bị cáo đang giữ chức vụ Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Tg, bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp, hành vi của bị cáo đã gây thiệt hại cho ngân sách Tỉnh số tiền 1.361.019.300 đồng và xâm phạm hoạt động đúng đắn của Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện T. Từ những phân tích trên, đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo cấu thành tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo khoản 3 Điều 356 của Bộ luật Hình sự.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Bùi Đức M về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn khi thi hành công vụ” theo quy định tại khoản 3 Điều 356 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Mức hình phạt mà án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là phù hợp tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra và đã có cân nhắc, xem xét về nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thừa nhận hành vi sai phạm của mình. Bị cáo không có chứng cứ gì khác để làm thay đổi nội dung và tội danh của bị cáo nên không có căn cứ xem xét kháng cáo về tội danh của bị cáo. Tuy nhiên bị cáo cũng đã nộp toàn bộ số tiền khắc phục như cấp sơ thẩm đã tuyên, đây là tình tiết mới tại cấp phúc thẩm nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo và sửa án sơ thẩm về phần hình phạt.

Đối với Thái Ngọc B, Trần Chí H và Nguyễn Trọng N1 là các đối tượng giúp sức cho Bùi Đức M thực hiện hành vi quyết toán không và có dấu hiệu đồng phạm với Bùi Đức M với vai trò giúp sức. Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp kiến nghị các cơ quan tố tụng huyện Tg tiếp tục điều tra xử lý các đối tượng này theo quy định và có văn bản thông báo kết quả xử lý cho Tòa án nhân dân Tỉnh trong thời hạn sớm nhất.

[4] Từ những nội dung trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo là có cơ sở, phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[5] Xét lời bào chữa của các luật sư cho bị cáo Bùi Đức M, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

- Về tố tụng và xác định tư cách người tham gia tố tụng: Hội đồng xét xử xét thấy việc cấp sơ thẩm xác định Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp là bị hại và không đưa Sở tài chính vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là phù hợp. Bởi vì, hành vi của bị cáo gây thất thoát cho Ngân sách Tỉnh nên Ủy ban nhân dân tỉnh là bị hại trong vụ án. Đối với Sở Tài chính Tỉnh là cơ quan tham mưu trực thuộc Ủy ban Tỉnh nên không đưa vào với tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

- Đối với ý kiến của các luật sư cho rằng Kết luận Giám định tài chính do ông Lê G là giám định viên thuộc Sở tài chính nhưng ra kết luận Giám định nhằm bảo vệ cho quyền lợi của Sở tài chính nên có yêu cầu giám định lại. Hội đồng xét xử xét thấy việc ông Lê G được Nhà nước công nhận là giám định viên thuộc lĩnh vực tài chính thì việc ra kết luận với tư cách là giám định viên và chịu trách nhiệm trước pháp luật, Trình tự thủ tục đúng theo Điều 205, 206 và 207 Bộ luật tố tụng hình sự. Việc yêu cầu giám định lại của các luật sư chưa thỏa mãn các điều kiện quy định tại Điều 211 Bộ luật tố tụng hình sự nên không chấp nhận.

- Đối với số tiền Ủy ban nhân dân huyện T cấp kinh phí cân đối lương, bảo hiểm xã hội cho Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất theo Công văn số 511/QLDAPTQĐ ngày 32-12-2020 với số tiền 1.111.721.532 đồng nhưng không nói rõ cân đối lương và bảo hiểm từ giai đoạn nào đến giai đoạn nào, số tiền này phát sinh sau khi cấp sơ thẩm đã xét xử và không liên quan đến việc phạm tội của bị cáo. Vấn đề này bị cáo được liên hệ với các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại huyện T để giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Đối với các vấn đề khác các luật sư nêu ra là chưa phù hợp với các nhận định tại phần [1] nên không chấp nhận.

- Đối với luật sư Nguyễn Thị Mai có yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo xét thấy yêu cầu này là phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Bùi Đức M bồi thường cho Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp số tiền 1.361.019.300 đồng để nộp vào ngân sách của Tỉnh theo quy định pháp luật, nhưng được khấu trừ 750.000.000 đồng đã nộp trong giai đoạn thanh tra (hoàn tạm ứng ngân sách công trình bờ Đông kênh Phước X theo Ủy nhiệm chi ngày 31-7-2019), 450.000.000 đồng đã nộp trong giai đoạn điều tra (Số tiền 450.000.000 đồng gửi vào tài khoản của Cơ quan Cảnh sát điều tra mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp, sau đó chuyển vào tài khoản Chi cục Thi hành án dân sự huyện T quản lý (theo Ủy nhiệm chi ngày 19-02-2020 của Phòng Cảnh sát Kinh tế - Công an tỉnh Đồng Tháp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện T qua số tài khoản 3751.0.1055194.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T), còn lại 161.019.300 đồng bị cáo M đã nộp trong giai đoạn phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 007212 ngày 27/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, bị cáo đã nộp xong.

[7] Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận một phần nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357; Điều 345 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo. Giảm một phần hình phạt cho bị cáo Bùi Đức M.

Tuyên bố bị cáo Bùi Đức M phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 356; các điểm b, v khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Bùi Đức M 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù của bị cáo được tính từ ngày 13-3-2021 trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 15-01-2019 đến ngày 13-8-2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, các điều 584, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Bùi Đức M bồi thường cho Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp số tiền 1.361.019.300 đồng để nộp vào ngân sách của Tỉnh theo quy định pháp luật, được khấu trừ 750.000.000 đồng đã nộp trong giai đoạn thanh tra (hoàn tạm ứng ngân sách công trình bờ Đông kênh Phước X theo Ủy nhiệm chi ngày 31-7-2019); số tiền 450.000.000 đồng đã nộp trong giai đoạn điều tra (Số tiền 450.000.000 đồng gửi vào tài khoản của Cơ quan Cảnh sát điều tra mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp, sau đó chuyển vào tài khoản Chi cục Thi hành án dân sự huyện T quản lý (theo Ủy nhiệm chi ngày 19-02-2020 của Phòng Cảnh sát Kinh tế - Công an tỉnh Đồng Tháp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện T qua số tài khoản 3751.0.1055194.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T), còn lại 161.019.300 đồng bị cáo M đã nộp trong giai đoạn phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 007212 ngày 27/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, bị cáo đã nộp xong.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo Bùi Đức M không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ GDKT 1);
- VKSND Tỉnh;
- Ban nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- TAND huyện T (02 bản);
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Cơ quan CSĐT CA huyện T;
- Cơ quan THAHS Công an Tỉnh;
- Cơ quan THAHS CA huyện T;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CAT;
- Trại tạm giam Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA Tòa án Tỉnh;
- Bị cáo;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)
Phạm Minh Tùng**